

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13 /2021/HNGĐ-ST

Ngày 26 - 03 - 2021

V/v tranh chấp ly hôn, tranh
chấp nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG - TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Đông Cúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Phúc.
2. Ông Huỳnh Trung Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bảo Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 03 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 03/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2021, về việc: “Tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 03 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Phan Thị Kim K, sinh năm: 1968.

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: ông Phạm Văn D, sinh năm: 1964.

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn xin ly hôn ngày 11/12/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phan Thị Kim K trình bày: Bà K và ông D sống chung như vợ chồng từ năm 2004, không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình sống chung thời gian đầu có hạnh phúc, từ năm 2015 đến nay vợ chồng thường

xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, dẫn đến cãi vã nhau thường xuyên, ông D có dùng bạo lực với bà K. Tháng 7/2020 bà K có gửi đơn xin ly hôn với ông D tại Tòa án nhưng sau đó rút đơn lại để cho ông D cơ hội để hàn gắn. Hiện nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn lại được. Nay bà K yêu cầu ly hôn với ông D.

- Về con chung: Trong thời gian sống chung, bà K và ông D có 01 con chung Phạm Thị Thúy H, sinh ngày 31/01/2007, hiện nay con chung đang sống với bà K, sau khi ly hôn bà K yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

- Tại biên bản hòa giải ngày 09/03/2021, và quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Phạm Văn D trình bày: Ông D thống nhất ý kiến bà K về quá trình chung sống như bà K trình bày, thời gian chung sống có hạnh phúc, ông D thừa nhận vợ chồng sống chung đôi khi có xảy ra mâu thuẫn cự cãi trong lúc nóng giận có đánh bà K. Nay theo yêu cầu ly hôn của bà K thì ông D không đồng ý vì ông D còn thương vợ, mong muốn được hàn gắn tình cảm.

- Về con chung: ông D thống nhất với bà K về con chung như bà K trình bày, hiện nay con chung đang sống với bà K. Ông D không đồng ý ly hôn, trường hợp Tòa án cho ly hôn ông D không đồng ý giao con chung cho bà K nuôi dưỡng, ông yêu cầu nuôi con chung, yêu cầu bà K cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu và khẳng định đã xuất trình đầy đủ các chứng cứ cho Tòa án xem xét giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: bà K có đơn xin ly hôn với ông D, trú tại: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: bà K có đơn xin ly hôn với ông D và yêu cầu được nuôi con chung, tài sản chung không tranh chấp, nợ chung không có nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là: “Tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[3] Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử xét thấy: bà K và ông D sống chung như vợ chồng từ năm 2004, ông bà có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nhưng quá trình chung sống với nhau một thời gian dài mà

không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Vì vậy, Tòa án không thể tiến hành hòa giải đoàn tụ theo quy định pháp luật giữa ông bà. Do đó căn cứ vào các Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà K và ông D.

Về con chung: Trong thời gian sống chung, bà K và ông D có 01 con chung Phạm Thị Thúy H, sinh ngày 31/01/2007, hiện nay con chung đang sống với bà K, sau khi ly hôn bà K yêu cầu được nuôi con chung.

Phiên tòa hôm nay ông D trình bày: Trường hợp Tòa án cho ly hôn ông D không đồng ý giao con chung cho bà K nuôi dưỡng, ông yêu cầu nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật. Xét yêu cầu của ông D là không có căn cứ. Bởi cháu H hiện nay được 14 tuổi, ý kiến của cháu có nguyện vọng được sống với mẹ, từ trước đến nay cháu H đang sống với bà K, để đảm bảo quyền lợi và đáp ứng nguyện vọng của cháu H, do đó cháu H được tiếp tục sống với bà K là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Phiên tòa hôm nay bà K không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Tại các buổi hòa giải và phiên tòa hôm nay bà K, ông D khẳng định không tranh chấp tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp tài sản chung giữa bà K, ông D sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

Về nợ chung: Tại các buổi hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay bà K, ông D khẳng định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp nợ chung giữa bà K, ông D sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà K phải chịu án phí hôn nhân gia đình số tiền 300.000đ, ông D không phải chịu án phí hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 14, Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/- Về quan hệ hôn nhân:

- Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phan Thị Kim K và ông Phạm Văn D.

2/- Về quan hệ con chung:

- Chấp nhận yêu cầu nuôi con giữa bà Phan Thị Kim K và ông Phạm Văn D.

Bà Phan Thị Kim K được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Thị Thúy H, sinh ngày 31/01/2007, hiện nay cháu H đang sống với bà K.

Ông Phạm Văn D được quyền thăm nom và chăm sóc cháu H không ai được cản trở ông D thực hiện quyền này.

3/- Không chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Văn D về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung giữa bà Phan Thị Kim K và ông Phạm Văn D.

4/- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét giải quyết.

5/- Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

6/- Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

7/- Về án phí:

- Bà Phan Thị Kim K phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn. Nhưng được trừ vào toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0010247 ngày 07 tháng 01 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông. Như vậy bà K đã nộp đủ.

- Ông Phạm Văn D không phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án xử công khai, có mặt các đương sự. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Thị Đông Cúc

Nơi nhận:

- TAND T.Đồng Tháp;
- VKSND H.Tam Nông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Thị Đông Cúc

